

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HSST
Ngày: 26/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú

Ông Trần Đình Huân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Cao Thùy Linh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017, đối với bị cáo:

Trần Văn H (tên gọi khác: S), sinh ngày 19/02/1994. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn K, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: lớp 5/12; Con ông Trần Văn L và bà Phạm Thị D; Tiền án, tiền sự: không.

Quá trình nhân thân: Ngày 13/02/2013 bị Công an huyện Q xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích bằng hình thức “Phạt tiền”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/7/2017, có mặt tại phiên toà.

- Những người bị hại:

Cháu Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 2001; Trú tại: thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người giám hộ cho cháu Hoàng Thị Hồng N: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1961. Trú tại: thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (là mẹ đẻ của cháu N), vắng mặt.

Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1975. Trú tại: thôn K, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố về hành vi như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/5/2015, Trần Văn H cùng với Trần Ánh S ngồi uống nước đến khoảng 20 giờ cùng ngày H rủ S chở mình về

nhà. H và S đi cùng xe mô tô biển số 73M1-1410 nhãn hiệu Honda-Airblade chạy theo hướng Tây – Đông trên Quốc lộ 12A. Khi đi qua quán nước mía “Vân Hạnh” khoảng 20 mét thì H ngồi phía sau nhìn thấy cháu Hoàng Thị Hồng N đang đạp xe chở cháu Hoàng Thị Mỹ D ngồi ở phía sau đang chạy cùng chiều trước xe của mình. Khi đang chạy song song và gần sát với nhau thì H thấy cháu D ngồi phía sau tay cầm điện thoại di động đưa lên phía trước cho cháu N, H liền đưa tay phải của mình lên rồi thực hiện hành vi giật điện thoại khỏi tay cháu D. Giật xong H cất điện thoại vào trong người. Trần Anh S điều khiển xe không biết H có hành vi chiếm đoạt tài sản nên vẫn điều khiển xe mô tô với tốc độ bình thường.

Vụ thứ hai: Khoảng 01h00 phút ngày 16/9/2014, Trần Văn H đi bộ từ nhà mình đến nhà chị Hoàng Thị K trú ở cùng thôn để thực hiện hành vi bắt trộm gà. Khi đến nhà chị K, H nhảy qua tường rào rồi đi vào phía sau nhà để tìm gà nhưng không thấy. H tìm thấy một đoạn dây thép dài 30cm đến cửa hông dùng chân đè vào cánh cửa, một tay dùng dây thép luồn qua cánh cửa vào bên trong chốt, rồi lắc nhẹ dần thì kéo được chốt cửa ra. H thấy mẹ con chị K đang ngủ lục tìm ở đầu giường nhưng không thấy có tài sản. H đi đến phía sau chân giường thì phát hiện có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Q-mobile Q106 màu đen cầm sạc liền rút dây, cầm điện thoại cho vào túi quần. H tiếp tục tiến lên phía đầu giường ghé sát vào màn ngủ thì thấy chị K trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, liền thò tay vào trong màn giật được sợi dây chuyền từ cổ chị K. Chị K tỉnh dậy la hét và đuổi theo thì H đã nhanh chóng chạy nhanh ra phía cửa hông bỏ trốn. Sau khi chiếm đoạt được sợi dây chuyền, H đem đến bán cho một tiệm vàng ở chợ Ba Đồn, bán được số tiền 900.000 đồng. Số tiền trên H đã tiêu xài cá nhân hết, còn điện thoại di động H để lại sử dụng, sau đó vứt tại nước Lào.

Tại bản kết luận định giá số 19/KL-HĐĐG ngày 09/7/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Q định giá tại thời điểm tháng 9/2014 điện thoại di động hiệu Q-mobile Q106 có giá 300.000 đồng và 01 dây chuyền bằng kim loại vàng tây, trọng lượng 03 chỉ, có hình mắt xích nối với nhau của chị Hoàng Thị K có giá trị là 6.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 24/KL-HĐĐG ngày 03/6/2015 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Q định giá tại thời điểm tháng 5/2015 máy điện thoại cảm ứng, hiệu NOKIA C203, màu trắng sữa, đã qua sử dụng có giá 1.000.000 đồng.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ngày 02/6/2017, Trần Văn H cùng với gia đình những người bị hại đã thỏa thuận bị cáo H phải bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho cháu N và số tiền 6.300.000 đồng cho chị K. Hiện tại Trần Văn H chưa bồi thường được khoản nào cho những người bị hại.

Về vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda-Airblade, màu sơn đen bạc, BKS: 73M1-1410, xe đã qua sử dụng. Khi Trần Anh S lấy xe chở H đi cướp giật tài sản thì chị N là mẹ của S không biết vì vậy cơ quan CSĐT công an huyện Q đã trả lại xe mô tô này cho chủ sở hữu là chị Trần Thị N vào ngày 28/8/2017.

Một chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA C203 màu trắng sữa, Q-mobile Q106, 01 dây chuyền bằng kim loại vàng tây, trọng lượng 03 chỉ, có hình mắt xích

nổi với nhau cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Hành vi của bị cáo H vào nhà chị K lấy trộm 01 chiếc điện thoại Q-mobile có trị giá 300.000 đồng chưa cấu thành tội phạm vì giá trị chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Trần Ánh S khi H giật điện thoại của cháu N thì S không biết và H không nói việc giật điện thoại với S, vì vậy không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Ánh S.

Bị cáo H khai bán sợi dây chuyền lấy trộm của chị K đem bán ở tiệm vàng “Tuấn Anh”, tuy nhiên bà Lê Thị Anh Đ chủ tiệm vàng không thừa nhận việc mua vàng do thời gian đã lâu, nhiều người đến giao dịch nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại bản Cáo trạng số 31/VKS-KT ngày 08/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 136; các điểm o, p khoản 1 Điều 46; tiết 1 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 30 đến 36 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo H phải bồi thường cho chị K số tiền 6.300.000 đồng và bồi thường cho cháu N số tiền 1.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H đã khai nhận đã thực hiện hành vi giật điện thoại của cháu N khi đang đi trên đường và giật dây chuyền vàng của chị K đang ngủ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được của những người bị hại là 7.300.000 đồng. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản và tình trạng người bị hại đang ngủ nhanh chóng thực hiện hành vi giật tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được tại hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự, đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cùng các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã giật tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát làm cho người bị hại trở tay không kịp để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của những người bị hại, mà còn gây tâm lý hoang mang cho

quần chúng nhân dân, gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo và quyết liệt, có thể gây nguy hiểm cho tính mạng của chị N khi đang điều khiển phương tiện lưu thông trên đường và việc giật dây chuyền chị K đang đeo ở cổ cũng rất nguy hiểm đến sức khỏe của chị K, hành vi phạm tội của bị cáo đã thể hiện thái độ coi thường pháp luật, bất chấp sức khỏe, tính mạng của người khác. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 13/02/2013 bị Công an huyện Q xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích bằng hình thức “Phạt tiền”. Xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm đủ điều kiện và thời gian cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ý thức tuân thủ pháp luật.

Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của những người bị hại, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự cần phải áp dụng đối với bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, tỏ thái độ ăn năn, hối cải; bị cáo đã tự thú hành vi phạm tội khi chưa bị phát hiện đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại và bị cáo đã thỏa thuận bị cáo H phải bồi thường cho cháu N giá trị 1 chiếc điện thoại cảm ứng, hiệu NOKIA C203 số tiền 1.000.000 đồng; bồi thường cho chị K giá trị 01 chiếc điện thoại di động hiệu Q-mobile Q106 số tiền 300.000 đồng và 01 dây chuyền bằng kim loại vàng tây, trọng lượng 03 chỉ số tiền 6.000.000 đồng. Bị cáo chưa bồi thường cho những người bị hại, HĐXX căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền trên cho cháu N và chị K.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda-Airbalde, màu sơn đen bạc, BKS: 73M1-1410 cho chủ sở hữu là chị Trần Thị N theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn H phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 136; điểm o, p Khoản 1 Điều 46; tiết 1 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn H 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 06/7/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn H với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2017) theo Quyết định của Hội đồng xét xử.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo Trần Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho cháu Hoàng Thị Hồng N số tiền 1.000.000 đồng và chị Hoàng Thị K số tiền 6.300.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 365.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

“Tuyên bố kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, báo cho bị cáo, những người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (đối với người vắng mặt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Q;
- VKSND huyện Q;
- THADS huyện Q;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

